

American Auditing



AA COMPANY

CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AA)
WWW.AA.COM.VN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO KỲ TÀI CHÍNH SÁU THÁNG KẾT THÚC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013

American Auditing

MỤC LỤC

	Trang
1, BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
2, BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
3, BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
4, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
5, BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
6, BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	10
7, THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 28

102
CỔ
HÀ
HỘI
11

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bàn Việt là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Phép Hoạt Động Chứng Khoán số 68/UBCK ngày 06 tháng 11 năm 2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp và được điều chỉnh lần thứ 1 theo Giấy phép điều chỉnh số 276/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 11 năm 2009, lần thứ 2 theo Giấy phép điều chỉnh số 96/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 6 năm 2012, lần thứ 3 theo Giấy phép điều chỉnh số 122/GPĐC-UBCK ngày 8 tháng 11 năm 2012, lần thứ 4 theo Giấy phép điều chỉnh số 117/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 12 năm 2012.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Địa chỉ trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh tại Hà Nội: 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tô Hải	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Đinh Quang Hoàn	Phó Tổng Giám Đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Tô Hải	Tổng Giám Đốc
------------	---------------

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Anh Tú	Trưởng Ban
Ông Hàn Anh Khoa	Thành viên
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh trung thực và hợp lý tài chính của Công ty trong giai đoạn. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo;
- Đảm bảo sổ sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc kỳ tài chính đến ngày ký báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, đến kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty trong kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

5. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công việc kiểm toán cho Công ty.

6. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo từ trang 4 đến trang 28 cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2013

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TỔ HẢI HỒ CHÍ MINH
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ TÀI CHÍNH SÁU THÁNG KẾT THÚC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT, từ trang 4 đến trang 28, gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, các Thông tư sửa đổi bổ sung có liên quan của Bộ tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)



LÊ VĂN THANH

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 0357/-2013-070-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2013

BÙI VĂN BỒNG

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 0197/-2013-070-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	Tại 30/6/2013	Tại 01/01/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.624.964.469.409	1.782.358.677.996
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110	IV.1	302.246.946.133	384.182.039.345
1. Tiền	111		242.246.946.133	359.354.944.415
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	24.827.094.930
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	IV.4	1.190.857.272.320	987.882.067.624
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.291.907.804.611	1.083.468.111.724
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(101.050.532.291)	(95.586.044.100)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	IV.12	129.702.648.369	403.845.280.559
1. Phải thu khách hàng	131		17.641.666.200	302.648.580.275
2. Trả trước cho người bán	132		14.555.028.712	452.145.357
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		1.002.338.138	1.079.464.225
5. Các khoản phải thu khác	138		96.503.615.319	99.665.090.702
IV. Hàng tồn kho	140	IV.2	23.124.000	11.885.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.134.478.587	6.437.405.468
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		955.239.530	1.092.992.843
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.179.239.057	5.344.412.625
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		526.166.446.512	522.848.594.312
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.041.995.330	15.514.613.719
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.5	9.792.241.008	6.935.664.961
- Nguyên giá	222		26.303.969.631	24.172.989.015
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.511.728.623)	(17.237.324.054)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV.6	2.349.954.322	492.349.031
- Nguyên giá	228		17.154.193.565	14.953.336.815
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(14.804.239.243)	(14.460.987.784)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV.8	899.800.000	8.086.599.727
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	IV.4	500.000.000.000	500.000.000.000
4. Đầu tư dài hạn khác	258		500.000.000.000	500.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.124.451.182	7.333.980.593
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.7	3.787.685.481	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	IV.11	5.870.264.731	4.019.202.548
4. Tài sản dài hạn khác	268	IV.9	3.466.500.970	3.314.778.045
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.151.130.915.921	2.305.207.272.308

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Tại 30/6/2013	Tại 01/01/2013	
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	1.664.758.792.832	1.797.756.014.316	
I. Nợ ngắn hạn	310	1.164.758.792.832	1.297.756.014.316	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 IV.14	68.000.000.000	299.000.000.000	
2. Phải trả cho người bán	312 IV.15	1.751.641.836	96.499.510.634	
3. Người mua trả tiền trước	313 IV.16	521.334.891.036	307.703.452.919	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 IV.10	6.032.949.054	5.405.531.670	
5. Phải trả người lao động	315	-	10.500.000.000	
6. Chi phí phải trả	316 IV.13	63.110.170.861	35.428.915.181	
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 IV.17	72.068.652.859	79.250.225.601	
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320 IV.19	432.008.017.380	460.418.162.875	
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	430.221.350	3.527.966.980	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	22.248.456	22.248.456	
II. Nợ dài hạn	330	500.000.000.000	500.000.000.000	
4. Vay và nợ dài hạn	334 IV.18	500.000.000.000	500.000.000.000	
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	486.372.123.089	507.451.257.992	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411 IV.20	398.400.000.000	398.400.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-	
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	-	-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	-	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	11.048.498.479	11.048.498.479	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	11.048.498.479	11.048.498.479	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	65.875.126.131	86.954.261.034	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	2.151.130.915.921	2.305.207.272.308	
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	TM	Tại 30/6/2013	Tại 01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại, bao gồm	005			
- USD			2.253,56	11.032,00
- EUR			20.014,00	20.004,00
6. Chứng khoán lưu ký	006		10.926.071.770.000	8.831.798.370.000
Trong đó:				
6.1- Chứng khoán giao dịch	007		8.733.394.820.000	6.908.842.130.000
6.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	009		8.555.000.600.000	6.793.096.650.000
6.1.3- CK giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		178.394.220.000	115.745.480.000
6.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch (GD)	012		617.459.430.000	676.740.540.000
6.2.2- CK tạm ngừng GD khách hàng trong nước	014		617.459.430.000	676.740.540.000
6.3- Chứng khoán cầm cố	017		1.510.291.570.000	1.077.677.540.000
6.3.2. CK cầm cố của khách hàng trong nước	019		1.510.291.570.000	1.077.677.540.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tiền tệ: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	TM	Tại 30/6/2013	Tại 01/01/2013
6.4- Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.5- Chứng khoán chờ thanh toán	027		58.884.700.000	167.473.500.000
6.5.1. CK chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		279.900.000	40.100.000
6.5.2. CK chờ thanh toán khách hàng trong nước	029		58.397.000.000	166.873.400.000
6.5.3. CK chờ thanh toán khách hàng nước ngoài	030		207.800.000	560.000.000
6.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.7- Chứng khoán chờ giao dịch	037		6.041.250.000	1.064.660.000
6.7.2. CK chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		6.041.250.000	1.064.660.000
6.8- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.9- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		128.465.290.000	60.071.770.000
Trong đó:			-	-
7.1- Chứng khoán giao dịch	051		128.465.290.000	60.071.770.000
7.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	053		92.816.340.000	52.390.890.000
7.1.3- CK giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		35.648.950.000	7.680.880.000
7.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		-	-
7.3- Chứng khoán cầm cố	061		-	-
7.4- Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.5- Chứng khoán chờ thanh toán	071		-	-
7.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.7- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty CK	083		-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2013



TỔ HẢI
Tổng Giám đốc

ĐOÀN MINH THIÊN
Kế Toán Trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu	01	V.1	142.983.960.647	249.128.645.811
<i>Trong đó</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		39.021.791.193	30.852.850.820
Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		35.695.579.675	47.890.363.550
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	56.200.000.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		4.506.325.964	12.192.906.455
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.230.925.342	1.285.796.667
Doanh thu hoạt động uỷ thác đấu giá	01.7		48.332.605	64.431.818
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		62.481.005.868	100.642.296.501
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		142.983.960.647	249.128.645.811
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	V.2	101.513.264.637	189.502.557.066
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		41.470.696.010	59.626.088.745
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.3	24.234.204.157	18.862.677.519
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		17.236.491.853	40.763.411.226
8. Thu nhập khác	31		98.681.819	1.100.000
9. Chi phí khác	32		11.353.542	-
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		87.328.277	1.100.000
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.323.820.130	40.764.511.226
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	V.4	4.330.955.033	10.167.458.019
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		12.992.865.097	30.597.053.207
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	V.5	326	808

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2013



ĐOÀN MINH THIÊN
Kế Toán Trưởng



TÔ HẢI
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.323.820.130	40.764.511.226
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.324.864.047	3.518.813.286
- Các khoản dự phòng	03		5.464.488.191	(17.720.005.571)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.051.053.747)	(34.056.037.231)
- Chi phí lãi vay	06		36.432.745.005	99.797.959.331
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.494.863.626	92.305.241.041
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		75.849.780.291	165.055.955.128
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(11.239.000)	411.308.853.966
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		105.914.978.881	80.476.327.643
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(3.649.932.168)	916.478.737
- Tiền lãi vay đã trả	13		(40.287.791.773)	(141.139.139.566)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.727.725.527)	(7.062.092.973)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		659.930.950	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.652.722.925)	(10.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		167.590.142.355	601.851.623.976
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.388.853.253)	(1.582.698.318)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		98.681.819	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(147.328.900.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	172.699.645.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.636.935.867	13.002.565.664
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.346.764.433	36.790.612.346

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.443.000.000.000	426.800.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.674.000.000.000)	(907.426.780.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(31.872.000.000)	(1.732.920.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(262.872.000.000)	(482.359.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(81.935.093.212)	156.282.536.322
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		384.182.039.345	111.616.718.751
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		302.246.946.133	267.899.255.073

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2013


ĐOÀN MINH THIÊN

Kế Toán Trưởng

**TÔ HẢI**

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 05-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
		Tại 01/01/2012	Tại 01/01/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Tại 30/6/2012	Tại 30/6/2013
		VND	VND	Tăng VND	Tăng VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.20	378.000.000.000	398.400.000.000	18.900.000.000	-	396.900.000.000	398.400.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	2.200.000.000	(2.200.000.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		8.700.456.248	11.048.498.479	-	-	8.700.456.248	11.048.498.479
9. Các quỹ khác thuộc vốn CSH		8.700.456.248	11.048.498.479	-	-	8.700.456.248	11.048.498.479
10. Lợi nhuận chưa phân phối		66.389.500.879	86.954.261.034	30.597.053.207	(20.300.000.000)	12.992.865.097	(34.072.000.000)
Tổng cộng		461.790.413.375	507.451.257.992	49.497.053.207	(20.300.000.000)	490.987.466.582	486.372.123.089

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ.


ĐOÀN MINH THIÊN
Kế Toán Trưởng**TÔ HAI**
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2013

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1, Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bàn Việt là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Phép Hoạt Động Chứng Khoán số 68/UBCK ngày 06 tháng 11 năm 2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp và được điều chỉnh lần thứ 1 theo Giấy phép điều chỉnh số 276/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 11 năm 2009, lần thứ 2 theo Giấy phép điều chỉnh số 96/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 6 năm 2012, lần thứ 3 theo Giấy phép điều chỉnh số 122/GPĐC-UBCK ngày 8 tháng 11 năm 2012, lần thứ 4 theo Giấy phép điều chỉnh số 117/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 12 năm 2012.

Địa chỉ trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh tại Hà Nội: 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

2, Lĩnh vực và ngành nghề hoạt động

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tư doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1, Cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi có liên quan của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Báo cáo tài chính giữa niên độ được soạn thảo được dựa trên nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, thông lệ kế toán Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CNXHVN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2, Tuyên bố về việc tuân thủ Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

3, Kỳ báo cáo

Kỳ báo cáo cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

4, Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VND).

5, Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính giữa niên độ các năm trước, ngoại trừ việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ theo hướng dẫn tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Do thông tư số 162/2010/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố, đồng thời, theo hướng dẫn của Thông tư số 20/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 3 năm 2006 hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót", việc thay đổi chính sách kế toán do áp dụng lần đầu các quy định của pháp luật hoặc chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán không yêu cầu việc điều chỉnh hồi tố nên số liệu đầu kỳ trên các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không bao gồm điều chỉnh nêu trên.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người ủy thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của các nhà đầu tư.

3. Chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, đầu tư chứng khoán dài hạn, đầu tư dài hạn khác.

a. Phân loại

- Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.
- Công ty phân loại các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới 12 tháng và các chứng khoán mua rồi bán lại theo hợp đồng (hợp đồng mua và bán lại chứng khoán) là các khoản đầu tư ngắn hạn.
- Đầu tư chứng khoán dài hạn là các chứng khoán sẵn sàng để bán được nắm giữ trong một thời gian không xác định trước và có thể được bán ra vào bất kỳ lúc nào.
- Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty và dự định nắm giữ hơn một năm mặc dù thời gian thực sự nắm giữ có thể dài hơn hoặc ngắn hơn tùy thuộc vào tình hình hoạt động của các công ty được đầu tư và các trường hợp khác.

b. Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán thương mại, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày mà công ty ký kết các hợp đồng đầu tư (kế toán theo ngày giao dịch)

c. Đánh giá

- Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá chứng khoán bình quân tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Chứng khoán thương mại chưa niêm yết được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có).
- Chứng khoán thương mại chưa niêm yết không tự do mua bán trên thị trường, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh dựa theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá theo đánh giá của Ban Giám Đốc. Ban Giám Đốc xác định các khoản dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này sau khi xem xét giá gốc, tình hình thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và các dòng tiền ước tính.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, chứng khoán đầu tư dài hạn và đầu tư dài hạn khác như đề cập ở trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.
- Nguyên giá của chứng khoán thương mại, đầu tư chứng khoán dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

d. Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của quyền sở hữu.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

4, Các khoản phải thu

a. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

b. Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

5, Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Việc quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009, cụ thể như sau:

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Máy móc thiết bị	33,33%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	16,67%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	33,33%

b. TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình bao gồm phần mềm vi tính, phần mềm giao dịch và phần mềm kế toán tỷ lệ phân bổ là 33,33% - 50,00%

6, Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Theo thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

Các khoản chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đầu tư tài chính ngắn hạn được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ quỹ, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có sự sụt giảm giá trị lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 06 năm 2013.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 02 năm 2009. Theo đó, mức trích dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

7, Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa là 36 tháng.

8, Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9, Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

10, Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tiền tệ: VND

1, Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 30/6/2013	Tại 01/01/2013
Tiền mặt tại quỹ	813.344.755	611.331.816
Tiền gửi ngân hàng	241.433.601.378	358.743.612.599
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	-	-
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000	24.827.094.930
Tổng cộng	302.246.946.133	384.182.039.345
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tiền của Công ty</i>	<i>113.794.475.798</i>	<i>229.844.736.804</i>
<i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>188.452.470.335</i>	<i>154.337.302.541</i>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2, Hàng tồn kho

	Tại 30/6/2013	Tại 01/01/2013
Công cụ, dụng cụ	23.124.000	11.885.000
Tổng cộng	23.124.000	11.885.000

3, Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a. Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	3.578.820	96.356.124.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	-	-
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	886.327.299	17.395.913.465.645
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	-	-
Tổng cộng	889.906.119	17.492.269.589.645

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-CTCK

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.***4, Các khoản đầu tư tài chính****Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013**

Chi tiêu	Giá trị số sách	So sánh với giá trị trường hoặc giá trị ước tính có thể thu hồi		Giá trị ước tính có thể thu hồi	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
(a) Đầu tư ngắn hạn	1.291.907.804.611	109.892.733.165	(101.050.532.291)	1.300.750.005.485	(101.050.532.291)
- Chứng khoán vốn niêm yết (i)	496.364.393.586	86.745.712.749	(63.874.252.744)	519.235.853.591	(63.874.252.744)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (ii)	219.115.710.976	22.775.378.616	(12.178.521.265)	229.712.568.327	(12.178.521.265)
- Cho vay ngắn hạn (iii)	800.000.000	-	-	800.000.000	-
- Hợp đồng giao dịch ký quỹ và hỗ trợ giao dịch chứng khoán (iv)	324.237.672.208	-	(24.997.758.282)	299.239.913.926	(24.997.758.282)
- Tạm ứng giao dịch chứng khoán (v)	231.390.027.841	-	-	231.390.027.841	-
- Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	20.000.000.000	371.641.800	-	20.371.641.800	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-	-
(b) Đầu tư dài hạn	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	-	-	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-	-
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	-	-	-	-
+ Hợp đồng hợp tác đầu tư dài hạn (vi)	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000	-
+ Hợp đồng đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng cộng	1.791.907.804.611	109.892.733.165	(101.050.532.291)	1.800.750.005.485	(101.050.532.291)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÁN VIỆT

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-CTCK

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013

Chi tiêu	Giá trị số sách	So sánh với giá trị trường hoặc giá trị ước tính		Giá trị thị trường / Giá trị ước tính có thể thu hồi	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
(a) Đầu tư ngắn hạn	1.083.468.111.724	112.254.136.812	(95.586.044.100)	1.100.136.204.436	(95.586.044.100)
- Chứng khoán vốn niêm yết (i)	256.307.391.847	11.007.450.740	(61.504.669.795)	205.810.172.792	(61.504.669.795)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (ii)	380.199.074.496	100.875.044.272	(12.178.521.265)	468.895.597.503	(12.178.521.265)
- Cho vay ngắn hạn (iii)	800.000.000	-	-	800.000.000	-
- Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ và hỗ trợ giao dịch chứng khoán (iv)	285.818.180.517	-	(21.902.853.040)	263.915.327.477	(21.902.853.040)
- Tạm ứng giao dịch chứng khoán (v)	80.343.464.864	-	-	80.343.464.864	-
- Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết (vi)	20.000.000.000	371.641.800	-	20.371.641.800	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000	-
(b) Đầu tư dài hạn	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	-	-	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-	-
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	-	-	-	-
+ Hợp đồng hợp tác đầu tư dài hạn (vii)	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000	-
+ Hợp đồng đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng cộng	1.583.468.111.724	112.254.136.812	(95.586.044.100)	1.600.136.204.436	(95.586.044.100)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

(i) Chứng khoán vốn niêm yết

- Bao gồm trong chứng khoán vốn niêm yết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có khoản chứng khoán trị giá 142.148.500.495 đồng do Công ty hợp tác đầu tư với các bên thứ ba thông qua các hợp đồng uỷ thác/uỷ quyền đầu tư.
- Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại các sàn giao dịch chứng khoán được xác định như sau:
 - + Tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
 - + Tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
 - + Tại Sàn UpCOM được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sàn UpCOM - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

(ii) Chứng khoán vốn chưa niêm yết

Bao gồm trong chứng khoán vốn chưa niêm yết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là:

Các hợp đồng đầu tư chứng khoán trị giá 25.376.264.947 đồng do Công ty hợp tác với các bên thứ ba thông qua các hợp đồng uỷ thác/uỷ quyền đầu tư.

(iii) Cho vay ngắn hạn

	Tại 30/6/2013	Tại 01/01/2013
Công ty CP Phát triển Bất động sản Việt Hưng	800.000.000	800.000.000
Tổng cộng	800.000.000	800.000.000

Khoản vay trên là khoản vay không được đảm bảo, không hưởng lãi và có kỳ hạn 12 tháng. Khoản vay này đã được gia hạn đến ngày 14 tháng 7 năm 2012. Tại ngày lập Bảng cân đối kế toán, số tiền trên vẫn chưa được thu hồi.

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ và hỗ trợ giao dịch chứng khoán

Giao dịch ký quỹ và hỗ trợ giao dịch chứng khoán thể hiện khoản tiền cho khách hàng vay để thực hiện các hoạt động giao dịch chứng khoán.

Dự phòng cho các khoản giao dịch ký quỹ và hỗ trợ giao dịch chứng khoán được xác định bằng chênh lệch của giá trị tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản giao dịch ký quỹ và hỗ trợ giao dịch chứng khoán tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

(v) Tạm ứng giao dịch chứng khoán

Tạm ứng giao dịch chứng khoán thể hiện số tiền ứng trước cho khách hàng tại ngày giao dịch ("Ứng tiền ngày T"). Các khoản tạm ứng này có thời hạn hoàn trả từ 1 ngày đến 60 ngày và Công ty được hưởng lại suất từ 0,049%/ngày đến 0,061%/ngày.

(vi) Hợp đồng hợp tác đầu tư dài hạn

Công ty ký hợp đồng hợp tác đầu tư với một tổ chức ở trong nước với số tiền là 500 tỷ đồng với mục đích kinh doanh chứng khoán. Đây là hợp đồng có tài sản đảm bảo tối thiểu bằng giá trị hợp đồng. Hợp đồng này có hiệu lực đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

5, Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2013	2.129.959.306	-	3.330.335.577	18.712.694.132	-	24.172.989.015
Mua trong kỳ	-	-	-	4.849.542.177	-	4.849.542.177
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(242.231.246)	-	(242.231.246)
Giảm khác	(2.096.959.306)	-	-	(379.371.009)	-	(2.476.330.315)
Tại 30/6/2013	33.000.000	-	3.330.335.577	22.940.634.054	-	26.303.969.631
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2013	2.121.709.314	-	2.264.039.702	12.851.575.038	-	17.237.324.054
Khấu hao trong kỳ	5.500.002	-	271.620.960	1.704.491.626	-	1.981.612.588
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(230.877.704)	-	(230.877.704)
Giảm khác	(2.096.959.306)	-	-	(379.371.009)	-	(2.476.330.315)
Tại 30/6/2013	30.250.010	-	2.535.660.662	13.945.817.951	-	16.511.728.623
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2013	8.249.992	-	1.066.295.875	5.861.119.094	-	6.935.664.961
Tại 30/6/2013	2.749.990	-	794.674.915	8.994.816.103	-	9.792.241.008

6, Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2013	-	-	14.953.336.815	-	14.953.336.815
Mua trong kỳ	-	-	2.200.856.750	-	2.200.856.750
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại 30/6/2013	-	-	17.154.193.565	-	17.154.193.565
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2013	-	-	14.460.987.784	-	14.460.987.784
Khấu hao trong kỳ	-	-	343.251.459	-	343.251.459
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại 30/6/2013	-	-	14.804.239.243	-	14.804.239.243
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2013	-	-	492.349.031	-	492.349.031
Tại 30/6/2013	-	-	2.349.954.322	-	2.349.954.322

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

7, Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Tại 01/01/2013	Tăng trong kì	Kết chuyển vào chi phí H&KD trong kì	Tại 30/6/2013
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	4.525.254.053	737.568.572	3.787.685.481
Tổng cộng	-	4.525.254.053	737.568.572	3.787.685.481

8, Xây dựng cơ bản dở dang

	Tại 30/6/2013	Tại 01/01/2013
Mua sắm tài sản cố định	690.300.000	1.368.082.000
Xây dựng cơ bản	209.500.000	6.718.517.727
Tổng cộng	899.800.000	8.086.599.727

**9, Tài sản dài hạn khác
Ký quỹ, ký cược dài hạn**

	Tại 30/6/2013	Tại 01/01/2013
Đặt cọc thuê văn phòng, trụ sở làm việc	3.458.500.970	3.296.778.045
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	8.000.000	18.000.000
Tổng cộng	3.466.500.970	3.314.778.045

10, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Tại 30/6/2013	Tại 01/01/2013
Thuế GTGT phải nộp	142.878.819	195.468.602
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.501.133.154	2.897.903.648
Thuế thu nhập cá nhân	677.932.774	966.970.356
Các loại thuế khác	1.711.004.307	1.345.189.064
Tổng cộng	6.032.949.054	5.405.531.670

Công ty khai thuế theo hình thức tự khai, tự nộp. Nghĩa vụ thuế của Công ty có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế khi cơ quan thuế thực hiện quyết toán thuế tại Công ty.

11, Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Năm 2012
Số dư đầu kỳ	4.019.202.548	2.919.239.269
Tiền nộp bổ sung	1.851.062.183	1.099.963.279
Số dư cuối kỳ	5.870.264.731	4.019.202.548

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÁN VIỆT

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-CTCK

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.***12, Các khoản phải thu**

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
1. Phải thu khác hàng	302.648.580.275	-	2.114.137.789.416	2.399.144.703.491	17.641.666.200	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.079.464.225	-	5.046.091.932	5.123.218.019	1.002.338.138	-	-
- Phải thu Sở GDCK	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	1.079.464.225	-	5.046.091.932	5.123.218.019	1.002.338.138	-	-
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu trung tâm lưu ký chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu thành viên khác	-	-	-	-	-	-	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác	99.665.090.702	-	232.968.925.244	236.130.400.627	96.503.615.319	-	-
Tổng cộng	403.393.135.202	-	2.352.152.806.592	2.640.398.322.137	115.147.619.657	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

13, Chi phí phải trả

	<u>Tại 30/6/2013</u>	<u>Tại 01/01/2013</u>
- Chi phí lãi vay	55.770.388.889	31.243.166.665
- Chi phí lãi tạm ứng của khách hàng cho hợp đồng góp vốn đầu tư	5.133.014.765	2.651.501.791
- Chi phí phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	-	1.022.841.695
- Chi phí phải trả cho trung tâm lưu ký chứng khoán	-	481.705.030
- Chi phí phải trả khác	2.206.767.207	29.700.000
Tổng cộng	<u>63.110.170.861</u>	<u>35.428.915.181</u>

14, Vay ngắn hạn

Đối tượng	Tại 01/01/2013	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Tại 30/6/2013
a. Vay ngân hàng	209.000.000.000	1.443.000.000.000	1.584.000.000.000	68.000.000.000
- Khoản vay 1	38.000.000.000	-	38.000.000.000	-
- Khoản vay 2 (i)	171.000.000.000	603.000.000.000	706.000.000.000	68.000.000.000
- Khoản vay 3 (ii)	-	840.000.000.000	840.000.000.000	-
b. Vay cá nhân	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
c. Vay đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng	299.000.000.000	1.443.000.000.000	1.674.000.000.000	68.000.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

- (i) Khoản vay từ ngân hàng thương mại trong nước với hạn mức tín dụng là 200 tỷ VND kỳ hạn từ 3 tháng đến 6 tháng và chịu lãi suất 15%/năm đến 18,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty.
- (ii) Khoản vay từ ngân hàng thương mại trong nước với hạn mức tín dụng là 100 tỷ VND kỳ hạn đến ngày 18/06/2013 và chịu lãi suất 11%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty.

15, Phải trả người bán

	<u>Tại 30/6/2013</u>	<u>Tại 01/01/2013</u>
Phải trả các bên liên quan	-	5.292.000.000
Phải trả các bên thứ ba	1.751.641.836	91.207.510.634
Tổng cộng	<u>1.751.641.836</u>	<u>96.499.510.634</u>

16, Người mua trả tiền trước

	<u>Tại 30/6/2013</u>	<u>Tại 01/01/2013</u>
Tạm ứng tiền bán chứng khoán	318.376	25.845.781.376
Tạm ứng từ khách hàng từ các hợp đồng môi giới chứng khoán có điều kiện	521.334.572.660	281.857.671.543
Tổng cộng	<u>521.334.891.036</u>	<u>307.703.452.919</u>

17, Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Tại 30/6/2013</u>	<u>Tại 01/01/2013</u>
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	1.094.316.000	657.700.000
Tạm ứng từ khách hàng tổ chức	23.003.635.440	76.666.700.140
Các khoản phải trả phải nộp khác	47.970.701.419	1.925.825.461
Tổng cộng	<u>72.068.652.859</u>	<u>79.250.225.601</u>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

18, Vay và nợ dài hạn

	<u>Tại 30/6/2013</u>	<u>Tại 01/01/2013</u>
Trái phiếu phát hành (*)	500.000.000.000	500.000.000.000
Tổng cộng	<u>500.000.000.000</u>	<u>500.000.000.000</u>

(*) Trái phiếu đích danh do Công ty phát hành cho một ngân hàng thương mại trong nước với kỳ hạn ba (03) năm. Lãi trái phiếu được trả định kỳ vào ngày 30 tháng 6 hàng năm với lãi suất 15%/năm. Nợ gốc được trả một lần vào ngày đáo hạn 30 tháng 6 năm 2014.

19, Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>Tại 30/6/2013</u>	<u>Tại 01/01/2013</u>
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	242.748.049.191	306.080.860.334
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	188.452.470.335	154.337.302.541
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	807.497.854	-
Tổng cộng	<u>432.008.017.380</u>	<u>460.418.162.875</u>

20, Vốn cổ phần

- Theo giấy phép thành lập và hoạt động số 68/UBCK-GP ngày 6 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh số 276/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp, vốn điều lệ của Công ty là 378.000.00.000 đồng, tương đương 37.800.000 cổ phiếu phổ thông, mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng.

- Theo giấy phép điều chỉnh số 122/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/11/2012 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 39.690.00.000 đồng, tương đương 39.690.000 cổ phiếu phổ thông lên 398.400.000.000 đồng, tương đương 39.840.000 cổ phiếu phổ thông, mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng.

- Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

- Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, số lượng cổ phiếu và tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	<u>Tại 30/6/2013</u>	<u>Tại 01/01/2013</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	39.840.000	39.840.000
Số cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	39.840.000	39.840.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	39.840.000	39.840.000

21, Cổ tức phải trả cho các cổ đông

	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>	<u>Năm 2012</u>
Số dư đầu kỳ	657.700.000	1.240.970.000
Cổ tức công bố trong kỳ	31.872.000.000	18.900.000.000
Cổ tức đã chi bằng cổ phiếu trong kỳ	-	(18.900.000.000)
Cổ tức đã chi trả trong kỳ	(31.435.384.000)	(583.270.000)
Số dư cuối kỳ	<u>1.094.316.000</u>	<u>657.700.000</u>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1, Doanh thu

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	39.021.791.193	30.852.850.820
Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	35.695.579.675	47.890.363.550
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	56.200.000.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	4.506.325.964	12.192.906.455
Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.230.925.342	1.285.796.667
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	48.332.605	64.431.818
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	-
Doanh thu khác	62.481.005.868	100.642.296.501
Tổng cộng	142.983.960.647	249.128.645.811

2, Chi phí hoạt động kinh doanh

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
Chi phí nhân viên	14.804.394.883	12.095.311.761
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.374.527.410	3.036.481.277
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	17.303.290.274	81.973.169.906
Chi phí lãi vay	36.432.745.005	38.059.026.547
Chi phí vốn khác	27.500.000.001	37.708.333.333
Chi phí thuê văn phòng	2.029.951.476	1.145.727.049
Các khoản chi phí khác	2.068.355.588	15.484.507.193
Tổng cộng	101.513.264.637	189.502.557.066

3, Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
Chi phí nhân viên	5.370.654.708	5.200.366.560
Chi phí đồ dùng văn phòng	197.672.273	77.430.003
Chi phí khấu hao TSCĐ	950.336.637	482.332.009
Thuế, phí và lệ phí	11.450.000	6.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.094.905.242	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.884.515.882	10.940.123.586
Chi phí bằng tiền khác	2.724.669.415	2.156.425.361
Tổng cộng	24.234.204.157	18.862.677.519

4, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
a. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.323.820.130	40.764.511.226
b. Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	17.323.820.130	40.764.511.226
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
c. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.330.955.033	10.167.458.019

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

Công nợ tài chính

Vay ngắn hạn, dài hạn	568.000.000.000	799.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	432.008.017.380	460.418.162.875
Nợ tài chính khác	658.695.577.942	522.410.071.315
Cộng	1.658.703.595.322	1.781.828.234.190
Trạng thái ròng	464.103.271.500	494.081.153.338

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ gồm các khoản vay như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu những rủi ro của thị trường (bao gồm: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và Rủi ro về giá khác.

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của công ty là không trọng yếu vì Công ty chỉ có một số rất ít tiền bằng Đô la Mỹ (USD) tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lại suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng / giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty.

Rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng cá nhân được hạn chế bằng cách áp dụng hạn mức tín dụng do Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt. Quá trình thanh toán của khách hàng và mức độ rủi ro tín dụng được Giám đốc Bộ phận dịch vụ khách hàng theo dõi liên tục và báo cáo cho Tổng Giám đốc.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty lập dự phòng cho các khoản hỗ trợ giao dịch chứng khoán có nguy cơ bị tổn thất như sau:



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

	Tại 30/6/2013	Tại 01/01/2013
Tổng giá trị khoản giao dịch ký quỹ và hỗ trợ giao dịch chứng khoán	324.237.672.208	285.818.180.517
Trừ: Dự phòng	(24.997.758.282)	(21.902.853.040)
	299.239.913.926	263.915.327.477

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo

Nợ phải trả tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
Tại 30/6/2013			
Các khoản vay và nợ	68.000.000.000	500.000.000.000	568.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch CK	432.008.017.380	-	432.008.017.380
Nợ tài chính khác	658.695.577.942	-	658.695.577.942
Cộng	1.158.703.595.322	500.000.000.000	1.658.703.595.322
Tại 01/01/2013			
Các khoản vay và nợ	299.000.000.000	500.000.000.000	799.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch CK	460.418.162.875	-	460.418.162.875
Nợ tài chính khác	522.410.071.315	-	522.410.071.315
Cộng	1.281.828.234.190	500.000.000.000	1.781.828.234.190
Tài sản tài chính			
Tại 30/6/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	302.246.946.133	-	302.246.946.133
Các khoản phải thu ngắn hạn	129.702.648.369	-	129.702.648.369
Các khoản đầu tư tài chính	1.190.857.272.320	500.000.000.000	1.690.857.272.320
Cộng	1.622.806.866.822	500.000.000.000	2.122.806.866.822
Tại 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	384.182.039.345	-	384.182.039.345
Các khoản phải thu ngắn hạn	403.845.280.559	-	403.845.280.559
Các khoản đầu tư tài chính	987.882.067.624	500.000.000.000	1.487.882.067.624
Cộng	1.775.909.387.528	500.000.000.000	2.275.909.387.528

d. Giá trị hợp lý

Các tài sản tài chính và công cụ tài chính của Công ty được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán theo giá trị gốc và các khoản dự phòng giảm giá được ghi nhận khi cần thiết. Các giá trị này có thể khác biệt với giá trị hợp lý của các tài sản tài chính hoặc công nợ tài chính.

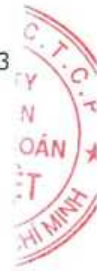
Hiện tại, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Công ty sẽ thực hiện xác định và trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính khi có các hướng dẫn chi tiết được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 được thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ và báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được thực hiện bởi Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers (Việt Nam).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2013



ĐOÀN MINH THIỆN
Kế Toán Trưởng

TÔ HẢI
Tổng Giám đốc



)

...